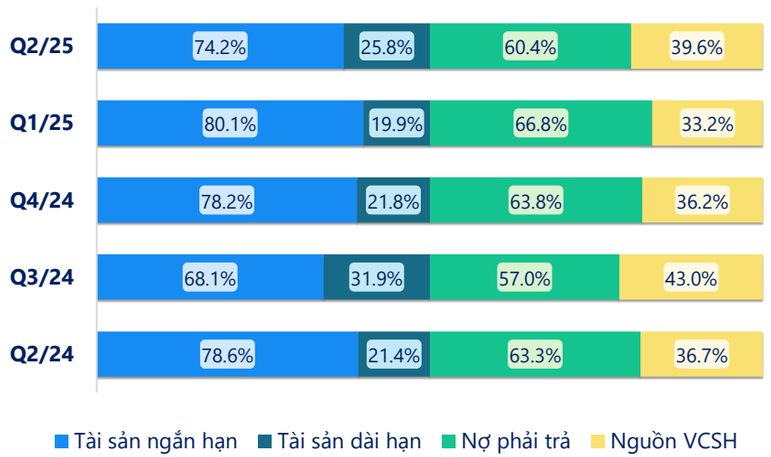
CTCP Thương mại & Khai thác khoáng sản Dương Hiếu (HSX: DHM)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	6,550
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,510
SL cổ phiếu LH	34,535,699
KLGD BQ 20 phiên (CP)	196,075
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	226
P/E	-55.9
EPS	-117

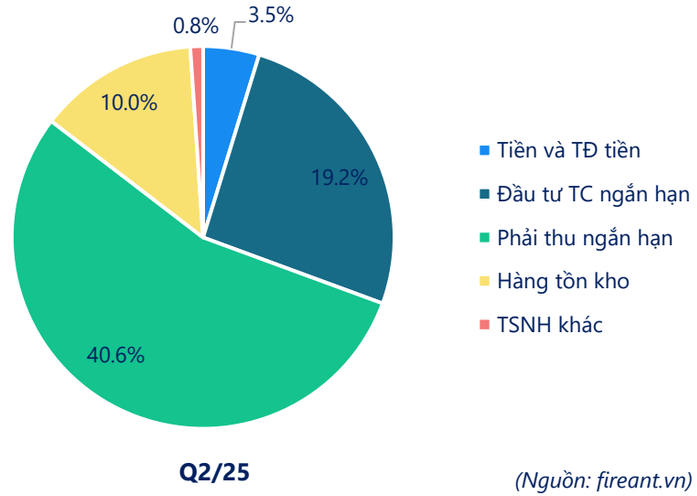
	YTD	1T	3T	6T
DHM	-21.9%	-3.7%	-11.6%	-22.2%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



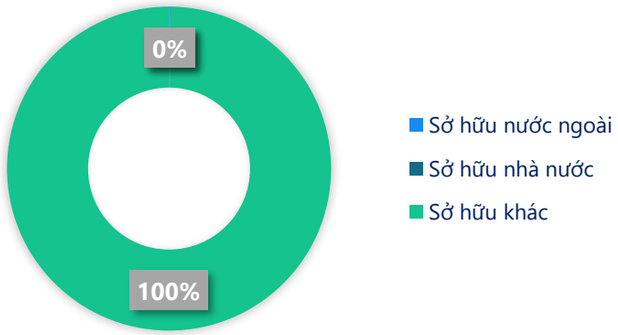
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



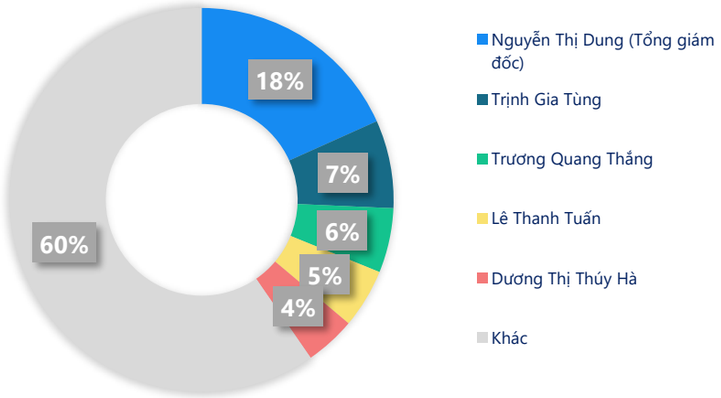
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



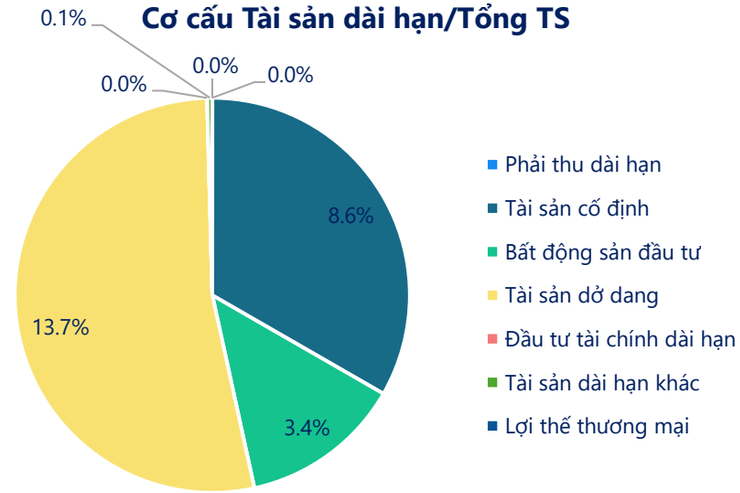
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

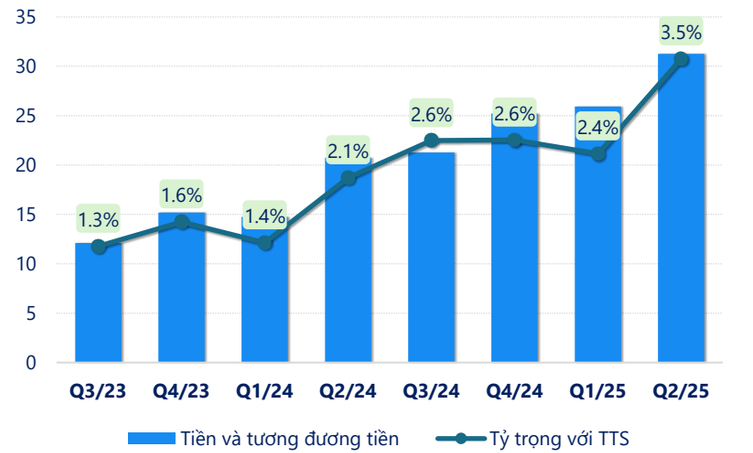


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

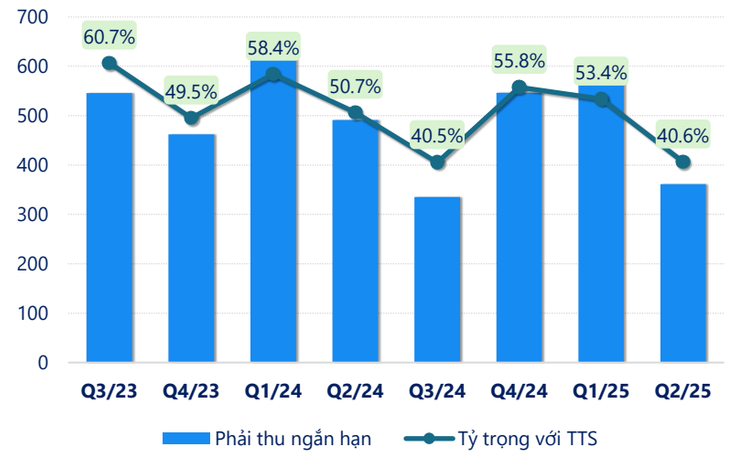
CTCP Thương mại & Khai thác khoáng sản Dương Hiếu (HSX: DHM)

Tiền và tương đương tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



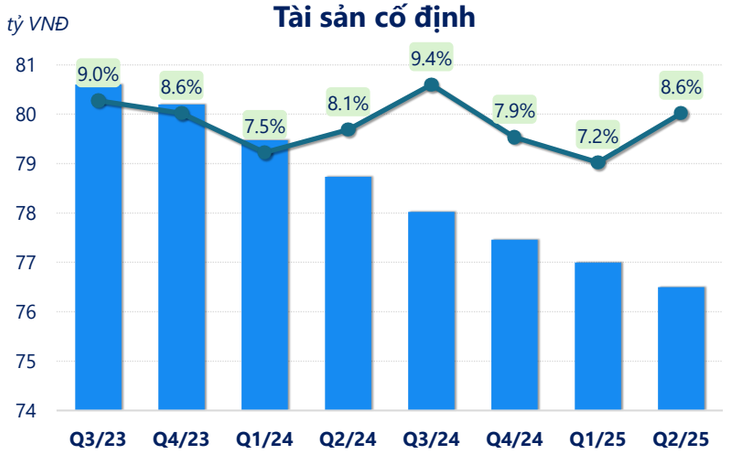
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



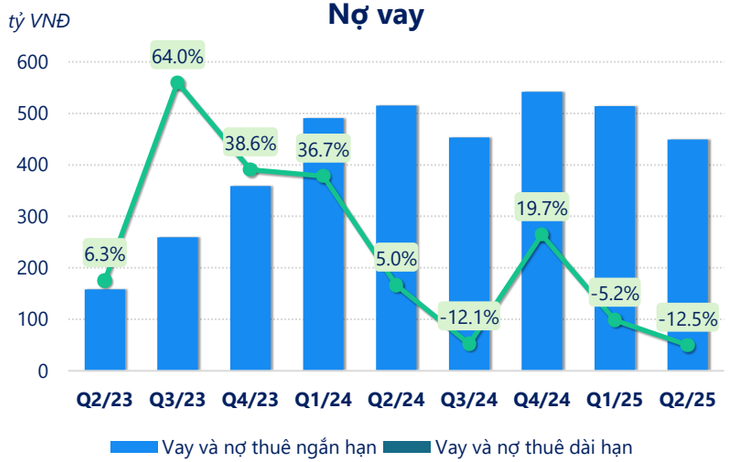
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



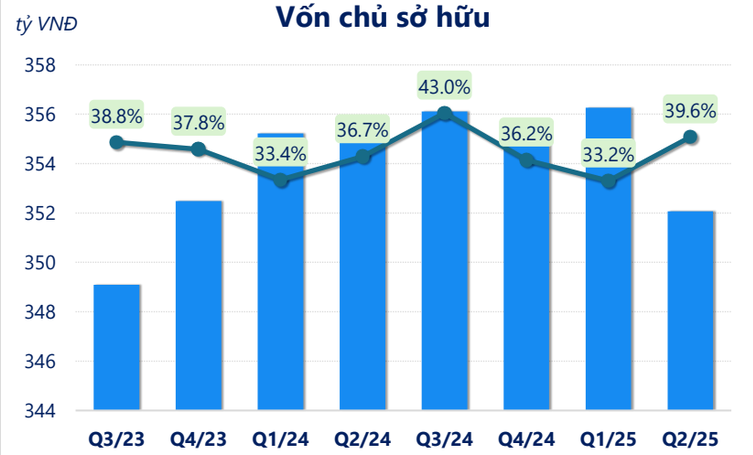
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

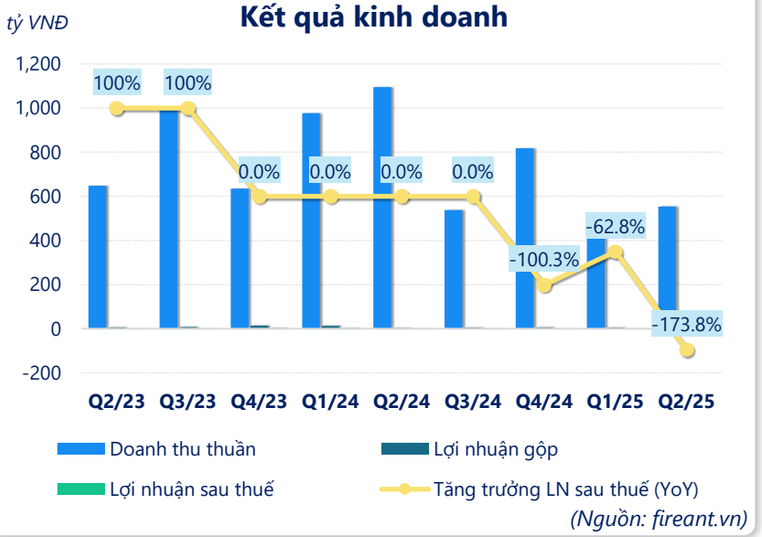


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

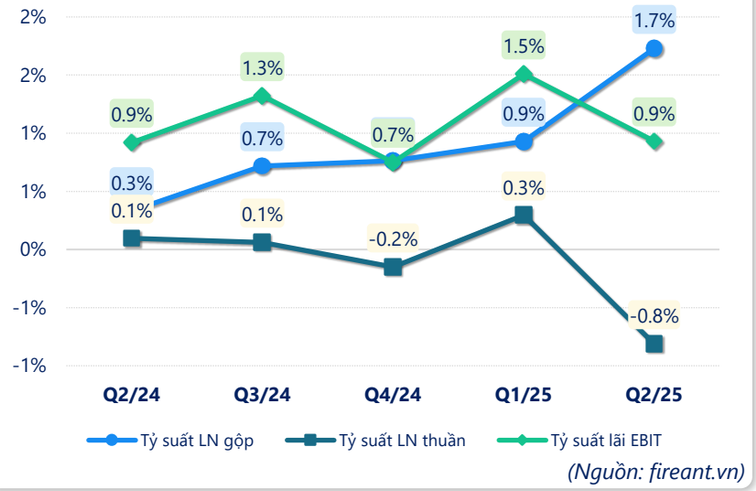
CTCP Thương mại & Khai thác khoáng sản Dương Hiếu (HSX: DHM)

Kết quả kinh doanh



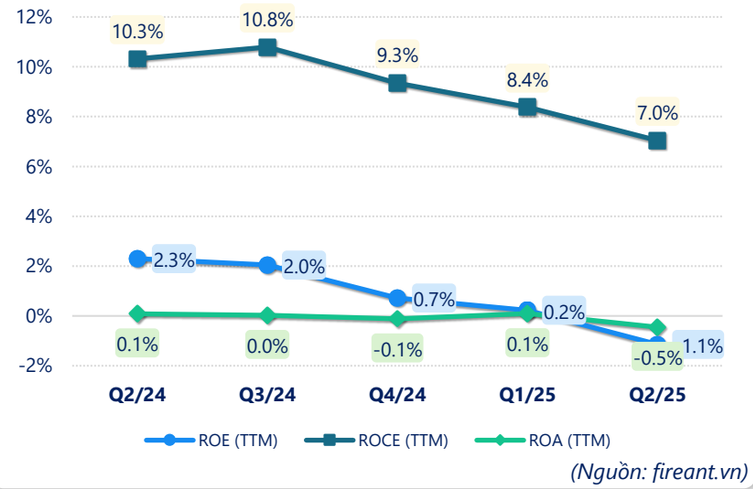
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



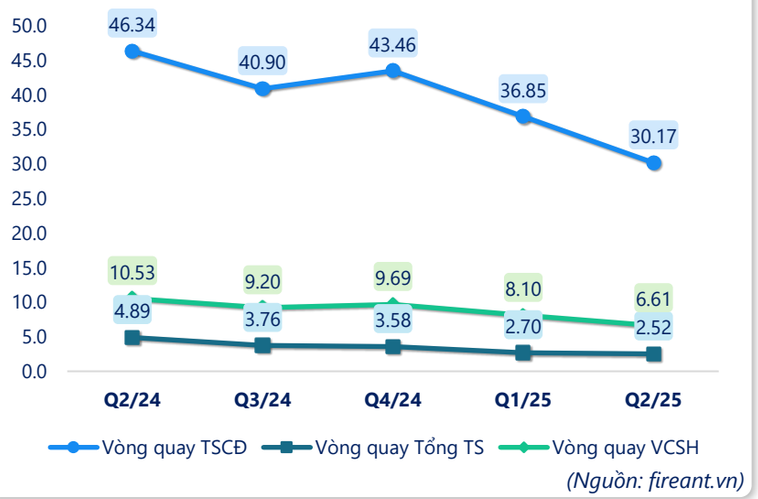
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



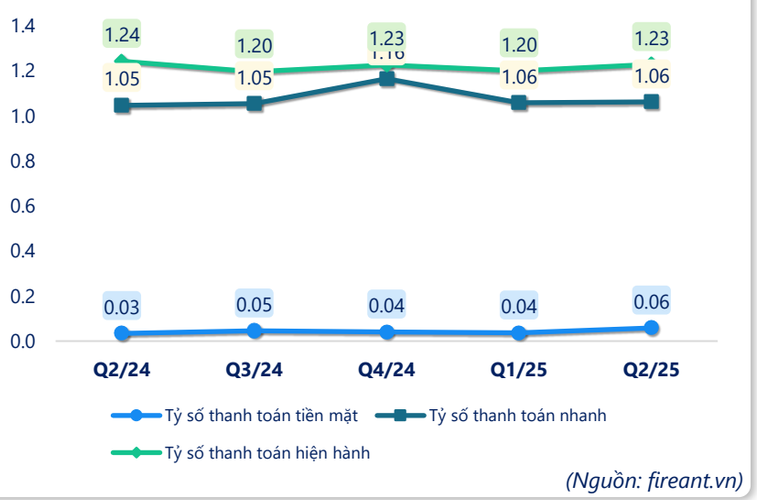
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



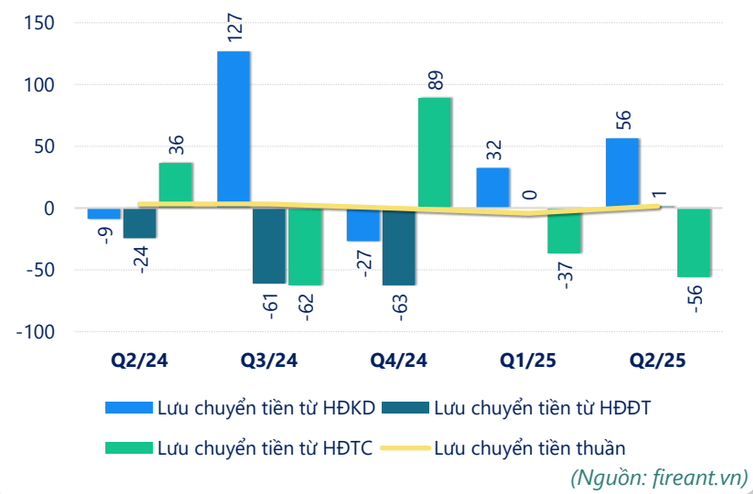
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Thương mại & Khai thác khoáng sản Dương Hiếu (HSX: DHM)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**889**	**980**	**-9.3%**
Tài sản ngắn hạn	659	766	-13.9%
Tiền và tương đương tiền	31.3	26.8	16.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	171	153	11.7%
Phải thu ngắn hạn	361	547	-33.9%
Hàng tồn kho	89.1	38.7	130%
Tài sản ngắn hạn khác	7.09	0.99	614%
Tài sản dài hạn	**230**	**214**	**7.5%**
Phải thu dài hạn	0.02	0.02	0.0%
Tài sản cố định	76.5	77.3	-1.0%
Bất động sản đầu tư	30.5	30.0	1.6%
Tài sản dở dang	122	105	15.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.06	0.06	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.92**	**1.18**	**-22.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	537	625	-14.0%
Nợ ngắn hạn	**537**	**625**	**-14.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	449	542	-17.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	83.6	10.2	719%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**352**	**355**	**-0.9%**
Vốn chủ sở hữu	**352**	**355**	**-0.9%**
Vốn điều lệ	345	314	10.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	1,095	537	817	434	553
Giá vốn hàng bán	1,091	533	811	430	544
Lợi nhuận gộp	3.64	3.86	6.23	4.03	9.56
Doanh thu HĐTC	4.83	5.25	7.50	4.91	6.52
Chi phí TC	5.65	6.82	7.35	5.06	16.9
Chi phí lãi vay	9.07	6.82	7.22	5.26	9.61
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.37	0.33	0.54	0.42	0.58
Chi phí QLDN	1.39	1.63	7.08	2.18	3.14
LN thuần từ HĐKD	1.05	0.33	-1.24	1.28	-4.49
Lợi nhuận khác	-0.05	-0.05	0.14	0.00	0.04
LN trước thuế	1.01	0.28	-1.10	1.28	-4.45
Lợi nhuận sau thuế	0.66	0.22	-1.09	1.02	-4.20
LNST của CĐ cty mẹ	0.66	0.22	-1.09	1.02	-4.20

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-8.74	127	-26.9	32.4	56.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-24.5	-61.1	-62.6	0.10	1.20
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	36.5	-62.5	89.2	-36.8	-55.9
Tiền đầu kỳ	14.8	20.7	21.3	26.8	25.9
Lưu chuyển tiền thuần	**3.29**	**3.21**	**-0.29**	**-4.24**	**1.75**
Ảnh hưởng tỷ giá	2.69	-2.69	4.26	3.34	3.60
Tiền cuối kỳ	20.7	21.3	25.2	25.9	31.3

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic